

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Thông tin chung:

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Quản trị Kinh doanh  
[2] Trình độ đào tạo: Cao đẳng  
[3] Ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh.  
[4] Mã ngành đào tạo: [6340114]  
[5] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung  
[6] Tên Khoa: Khoa Quản trị Kinh doanh  
[7] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn  
[8] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

### 2. Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (hoặc tương đương) và qua xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Các năm 2015, 2016 và 2017 Trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, không thi tuyển. Xét tuyển theo hai phương thức: (1) Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia; và (2) Xét tuyển bằng học bạ Lớp 12 THPT.

### 3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.  
[2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học.  
[3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

<u>Bậc học</u>	<u>Thời gian đào tạo chính khóa</u>	<u>Thời gian kéo dài</u>
Cao đẳng	3,0 năm (6 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

### 4. Mục tiêu đào tạo:

- [1] Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân Cao đẳng ngành Quản trị Kinh doanh:

- + Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;
- + Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, về quản trị kinh doanh;
- + Có kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành được học để có thể áp dụng trong công việc sau này: Quản trị Doanh nghiệp;

- + Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.
- + Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Cung cấp kiến thức chuyên môn về Quản trị kinh doanh, bảo đảm sinh viên:

- + Có những kiến thức chung về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.
- + Nắm vững những kiến thức các môn học chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp và có thể áp dụng phù hợp vào doanh nghiệp.
- + Nắm vững kiến thức về kế toán - tài chính - một công cụ cơ bản của quản trị doanh nghiệp.

Giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo, để có thể giải quyết những vấn đề phát sinh mới bằng cách:

- + Rèn luyện cho sinh viên khả năng tự học, khả năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ với một phong cách chuyên nghiệp.
- + Có khả năng tư duy, khả năng phân tích các tình huống trong thực tế, sử dụng kỹ năng logic để có thể đưa ra giải pháp và triển khai thực hiện.
- + Có khả năng tìm kiếm, nghiên cứu, sử dụng thông tin, dữ liệu và có thể đưa ra quyết định phù hợp trong lãnh vực kinh doanh, kế toán, tài chính, đầu tư, nhân sự, ...

## [2] Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng ngành Quản trị Kinh doanh sẽ có khả năng:

- + Biết các vấn đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp luật và quản trị kinh doanh.
- + Trình bày các kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Áp dụng các kiến thức về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Vận dụng các kiến thức về hoạt động kinh doanh, marketing, tài chính – kế toán, nguồn nhân lực và sản xuất để giải quyết các tình huống kinh doanh trong thực tế.
- + Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học.
- + Sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 350 điểm TOEIC, tin học tương đương trình độ B.
- + Sử dụng được các phần mềm thống kê chuyên ngành.
- + Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, thể hiện trách nhiệm xã hội và chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước.
- + Biểu lộ tinh thần hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, đối tác.

Đối với chuyên ngành Tổng hợp, sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tổng hợp sẽ có khả năng:

- + Biết các vấn đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp luật và quản trị kinh doanh.
- + Trình bày các kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động kinh doanh, marketing, tài chính – kế toán, sản xuất, và nguồn nhân lực của doanh nghiệp.
- + Áp dụng các kiến thức marketing, tài chính, kế toán, nguồn nhân lực và sản xuất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Vận dụng các kiến thức về hoạt động kinh doanh, marketing, tài chính – kế toán, sản xuất, và nguồn nhân lực để giải quyết các tình huống kinh doanh trong thực tế.

- + Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học.
- + Sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 350 điểm TOEIC, tin học tương đương trình độ B.
- + Sử dụng được các phần mềm thống kê chuyên ngành.
- + Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, thể hiện trách nhiệm xã hội và chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước.
- + Biểu lộ tinh thần hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, đối tác.

Đối với chuyên ngành Kế toán, sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng quản trị kinh doanh chuyên ngành kế toán sẽ có khả năng:

- + Biết các vấn đề cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, pháp luật và quản trị kinh doanh.
- + Trình bày các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực kế toán của doanh nghiệp như nguyên lý kế toán, kế toán tài chính, thuế, kế toán quản trị, sổ sách kế toán.
- + Áp dụng các kiến thức về lĩnh vực kế toán của doanh nghiệp.
- + Vận dụng các kiến thức về kế toán và tài chính để thực hiện các nghiệp vụ kế toán trong thực tế.
- + Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học và có khả năng thích nghi.
- + Sử dụng tiếng Anh đạt chuẩn tương đương 350 điểm TOEIC, tin học tương đương trình độ B.
- + Sử dụng được các phần mềm thống kê chuyên ngành.
- + Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, thể hiện trách nhiệm xã hội và chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước.
- + Biểu lộ tinh thần hợp tác thân thiện với đồng nghiệp, đối tác.

[3] Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc sau:

- + Nhân viên làm việc ở bộ phận kinh doanh, bộ phận bán hàng, bộ phận marketing, bộ phận hành chính - nhân sự, bộ phận tài chính kế toán, ... Và từng bước tham gia vào vị trí cấp quản trị doanh nghiệp.
- + Ngoài ra, sinh viên còn có thể làm việc trong các lĩnh vực khác.

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

[1] Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành QTKD Tổng hợp

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	10	165	105	60	285	56.76	43.24
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	18	330	195	135	480	52.00	48.00
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	21	315	210	105	630	60.00	40.00
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	52	855	600	255	1665	63.83	36.17
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	8	240	60	180	300	20.00	80.00
	<b>109</b>	<b>2130</b>	<b>1260</b>	<b>870</b>	<b>3630</b>	<b>52.07</b>	<b>47.93</b>

Ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành QTKD kế toán

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	10	165	105	60	285	56.76	43.24
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	18	330	195	135	480	52.00	48.00
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	21	315	210	105	630	60.00	40.00
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	51	855	585	270	1620	61.90	38.10
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	8	240	60	180	300	20.00	80.00
	<b>108</b>	<b>2130</b>	<b>1245</b>	<b>885</b>	<b>3585</b>	<b>51.34</b>	<b>48.66</b>

[2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
  - Giáo dục thể chất 1 và 2
  - Giáo dục quốc phòng
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
  - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
  - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
  - Kiến thức cơ sở ngành
  - Kiến thức chuyên ngành
  - Kiến thức bổ trợ
  - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
- + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (cấp chứng chỉ).

**6. Nội dung chương trình: Xem chi tiết trong bảng C70 và C72**

- [1] Nội dung chương trình Quản trị kinh doanh, chuyên ngành QTKD Tổng hợp
- [2] Nội dung chương trình Quản trị kinh doanh, chuyên ngành QTKD Kế toán

**7. Mô tả tóm tắt môn học:**

- [1] Tiếng Anh 1 ----- [GS11001]

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản giao tiếp về một số chủ điểm thông thường. Bên cạnh đó, môn học

còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[2] Tiếng Anh 2 ----- [GS11002]

Môn học Tiếng Anh 2 nhằm củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1; đồng thời cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản về giao tiếp theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các lĩnh vực quan tâm, các sự kiện đang diễn ra... Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[3] Tiếng Anh 3 ----- [GS21003]

Môn học Tiếng Anh 3 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2; đồng thời cung cấp và mở rộng cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp về các tình huống xã hội hàng ngày cũng như trong công việc quen thuộc thường nhật. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[4] Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ----- [GS17001]

Giới thiệu chung về Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tập trung làm rõ về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và vai trò của nó. Trên cơ sở đó, làm rõ những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

[5] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- [GS27002]

Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài phần giới thiệu chung về khái niệm, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm và các nguồn tư liệu chính thống đã được khẳng định trong các Văn kiện của Đảng ta.

Trong triển khai chương trình và viết giáo trình cần tập trung làm rõ giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta hiện nay và mai sau; cần nhấn mạnh những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào cách mạng thế giới.

[6] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ----- [GS27003]

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.

Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

[7] Giáo dục thể chất 1 ----- [GS19001]

Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giao đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.

Phần thực hành: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (Chạy cự ly trung bình: Nam: 1500m, Nữ: 800m) và môn thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục phát triển chung).

[8] Giáo dục thể chất 2 ----- [GS19002]

Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chày, luật bóng chày, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).

[9] Tin học đại cương ----- [GS15001]

Môn song hành: Thực hành Tin học đại cương

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: Hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel.

Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường.

[10] Thực hành Tin học đại cương----- [GS15002]

Môn song hành: Tin học đại cương

Nội dung tóm tắt:

- + Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học
- + Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lí hoạt động.
- + Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
- + Sử dụng phần mềm Microsoft Word, Excel.
- + Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP...
- + Cài đặt và sử dụng một số phần mềm tiện ích: VIRUS...

[11] Toán C ----- [GS13108]

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của đại số tuyến tính. Nội dung cụ thể gồm:

- + Ma trận
- + Hệ phương trình tuyến tính
- + Định thức
- + Phép tính vi phân hàm một biến
- + Phép tính tích phân hàm một biến

[12] Pháp luật Việt Nam đại cương----- [GS12001]

Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và pháp luật trong đời sống xã hội.

Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[13] Kinh tế vi mô-----[2QTCHCS002]

Môn học giới thiệu sự phân tích khía cạnh chi tiết cách thức vận động của nền kinh tế thị trường thông qua 2 thành phần cơ bản là hộ gia đình và doanh nghiệp, các quy luật vận động. Các đề tài gồm lý thuyết về cung, cầu, hành vi người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp và các cấu trúc thị trường. Hoàn tất môn học, sinh viên có đủ khả năng đánh giá các bộ phận cấu thành kinh tế quốc gia, các điều kiện và các lựa chọn khác nhau nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội.

[14] Quản trị học -----[2QTCHCS001]

Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

[15] Kinh tế vĩ mô-----[2QTCHCS015]

Giới thiệu những khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô như đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn như các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu mô hình tổng cung, tổng cầu, sản lượng cân bằng trong nền kinh tế mở; giới thiệu lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn, giới thiệu các chính sách vĩ mô căn bản, nhấn mạnh vai trò quản lý và điều tiết kinh tế vĩ mô thông qua các công cụ chính sách vĩ mô như chính sách tài chính, chính sách tiền tệ và sự áp dụng cả hai chính sách này đối với nền kinh tế của một quốc gia.

[16] Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ -----[2QTCHCS005]

Môn học sẽ giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến tài chính tiền tệ. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng, tiền tệ và thị trường tài chính. Đồng thời, qua đó có thể nắm được những vấn đề liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước, chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; những vấn đề liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, liên quan đến huy động vốn và cho vay hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán.

[17] Marketing căn bản-----[2QTCHCS016]

Marketing căn bản là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức môn học sinh viên có thể phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng. Môn học còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (marketing mix): chiến lược phát triển sản phẩm (product), chiến lược định giá sản phẩm

(price), chiến lược phân phối (place), chiến lược chiêu thị (promotion). Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

[18] Nguyên lý kế toán -----[2QTCHCS006]

Môn học giới thiệu nội dung cơ bản, khái niệm, nguyên tắc cơ bản của kế toán tài chính. Trình bày cách ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các bút toán điều chỉnh, cách lập báo cáo tài chính, cách đánh giá hàng tồn kho và ảnh hưởng của các phương pháp này đến kết quả hoạt động kinh doanh.

[19] Xác suất thống kê-----[9QTTODC002]

Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung. Phần xác suất, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất – cơ sở toán học của thống kê, bao gồm xác suất căn bản, biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất rời rạc và liên tục thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các phương pháp dùng để thu thập dữ liệu; tóm tắt và trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị; tóm tắt dữ liệu bằng các đặc trưng đo lường; ước lượng, kiểm định giả thuyết về một tham số tổng thể và hồi quy tuyến tính đơn.

Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và một Excel Add-ins để xử lý và phân tích dữ liệu. Excel được chọn dùng vì nó phổ biến và dễ sử dụng.

[20] Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (CD)----- [2QTXHDC002]

Nội dung môn học giới thiệu những vấn đề về giao tiếp như: nguyên tắc, đặc điểm giao tiếp, những rào cản trong giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả, mô hình và kế hoạch giao tiếp.

Những nguyên tắc cơ bản khi viết và nói: Nguyên tắc PAIBOC, 7C. Các kỹ năng truyền thông tin: Nói - Viết. Kỹ năng nhận thông tin: Lắng nghe - Ứng xử. Giao tiếp phi ngôn ngữ thể hiện qua cử chỉ, thái độ, hành vi của đối tượng. Môn học cũng giới thiệu đặc điểm giao tiếp ở một số quốc gia trên thế giới.

[21] Phương pháp định lượng -----[9QTCHCS003]

Môn này cung cấp cho sinh viên một số phương pháp định lượng cơ bản dùng trong quản lý như: Quy hoạch tuyến tính, Bài toán ra quyết định, Lập lịch trình dự án. Ngoài ra, môn học này cũng trang bị các mô hình toán học được ứng dụng vào những tình huống kinh doanh. Các mô hình này được chọn vì có thể áp dụng được cho nhiều lĩnh vực kinh doanh chức năng: sản xuất, tài chính và tiếp thị. Việc sử dụng phần mềm Excel OM để giải các bài toán được chú ý thích đáng.

[22] Tin học ứng dụng trong kinh doanh-----[9QTCHCS001]

Môn học này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint và Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác cũng như cho việc đi làm sau này. Tính chất ứng dụng sẽ được nhấn mạnh thông qua các ví dụ thực tế.

[23] Kế toán quản trị----- [2QTKDCN012]

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về chi phí và cách phân loại chi phí, về phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận, về các quyết định về giá, lập dự toán ngân sách, sử dụng thông tin thích hợp trong việc ra quyết định kinh doanh.



[24] Luật kinh tế-----[9QTCHCS002]

Luật kinh doanh là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường. Trong kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hiểu biết pháp luật để kinh doanh theo đúng pháp luật. Do vậy Luật kinh doanh là môn học cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở các bậc đại học.

Môn học Luật kinh tế trình bày những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam.

[25] Báo cáo thuế-----[2QTCHCS019]

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức pháp luật (quy định hiện hành) và một số kinh nghiệm thực tế về khai báo thuế.

Môn học tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận các số liệu, tài liệu thực tế của các doanh nghiệp để rèn luyện kỹ năng thực hành khai báo thuế.

Cụ thể là:

- + Hướng dẫn quy trình quản lý, kiểm soát và xử lý hóa đơn
- + Cung cấp cho sinh viên những quy định pháp luật về đăng ký, kê khai, điều chỉnh, quyết toán một số sắc thuế quan trọng
- + Hướng dẫn kỹ thuật, trình tự kê khai, điều chỉnh và quyết toán thuế.

[26] Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình -----[9DTXHTC202]

Những hiểu biết cơ bản về nhóm làm việc, cũng như những yếu tố để xây dựng một nhóm làm việc hiệu quả. Bên cạnh đó là những ví dụ thực tế để sinh viên có thể bắt kịp được những đòi hỏi của môi trường công việc cũng như cuộc sống hiện tại và tương lai.

Các kỹ năng cơ bản và nâng cao để thuyết trình (cá nhân, nhóm) hiệu quả. Những bài giảng xoay quanh mọi khâu của quá trình thuyết trình, cũng như việc chuẩn bị tâm lý và khắc phục những lo sợ khi đứng trước đám đông (mà đa số sinh viên hay mắc phải).

[27] Quản trị tài chính 1 ----- [2QTCHCN001]

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về tài chính để sinh viên có thể tự mình ra các quyết định quản trị tài chính trong một doanh nghiệp.

Nội dung học phần: Tổng quan quản trị tài chính; thời giá tiền tệ; định giá các tài sản tài chính bao gồm trái phiếu và cổ phiếu; lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư. Mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) cũng được đề cập trong môn học này. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được trang bị thêm các kiến thức về các tính chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp bao gồm chi phí sử dụng vốn thành phần và chi phí sử dụng vốn trung bình (WACC), những vấn đề cơ bản về phân tích và quyết định đầu tư dự án, thuê và mua tài sản để phục vụ cho việc ra các quyết định tài chính.

[28] Thuế ----- [2QTCHCS010]

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.

[29] Nghiệp vụ ngoại thương ----- [2QTCHCS017]

Môn học trình bày những điều kiện thương mại Quốc tế, các phương thức giao dịch sử dụng trong thương mại Quốc tế, giới thiệu cách soạn thảo một Hợp đồng mua bán hàng hóa Quốc tế trên cơ sở các điều khoản mẫu, các bước thực hiện Hợp đồng Ngoại thương trong thực tế của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hiện nay của Việt Nam. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên nắm vững các điều kiện thương mại Quốc tế hiện hành. Bên cạnh đó, môn học còn phác thảo một quy trình thực hiện việc giao nhận hàng hóa trong thực tế.

[30] Phân tích hoạt động kinh doanh ----- [2QTCHCN003]

Phân tích hoạt động kinh doanh bằng các phương pháp nghiên cứu riêng có của mình giúp sinh viên hiểu và đánh giá đúng kết quả sản xuất về khối lượng, chất lượng sản phẩm, thấy được thành quả cũng như trách nhiệm của các bộ phận trong việc kiểm soát chi phí thông qua phân tích biến động giá thành sản phẩm. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng cho thấy nguyên nhân làm lợi nhuận doanh nghiệp tăng, giảm theo xu hướng khách quan hoặc chủ quan. Phân tích báo tài chính của doanh nghiệp cho thấy được ý nghĩa của các số liệu trên các báo cáo, thông qua mối quan hệ giữa các khoản mục trên bảng cân đối sẽ đánh giá được tình hình biến động cũng như kết cấu vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp. Khả năng sinh lời, tình hình lưu chuyển vốn, khả năng thanh toán của doanh nghiệp cũng sẽ được sáng tỏ khi phân tích báo cáo tài chính.

[31] Quản trị hành chính văn phòng ----- [2QTCHCS013]

Môn học Quản trị hành chính văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua môn học sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

[32] Thực tập tốt nghiệp ----- [2QTTTTN002]

Đợt báo cáo thực tập được tổ chức vào học kỳ cuối của khóa học. Báo cáo thực tập là cơ hội để sinh viên tiếp cận và tìm hiểu thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học vào công việc thực tế, giải quyết các vấn đề cụ thể tại doanh nghiệp (nếu được khuyến khích tham gia). Hơn thế, sinh viên có dịp học hỏi và trao đổi thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho mục tiêu nghề nghiệp tương lai sau khi tốt nghiệp ra trường.

Các lĩnh vực chuyên môn sinh viên có thể thực tập:

- + Nhân sự;
- + Marketing;
- + Bán hàng;
- + Tài chính;
- + Kế toán.

[33] TT\_BTTN 1: Marketing dịch vụ ----- [2QTCHCN007]

Nội dung môn học đề cập đến các khái niệm cốt lõi liên quan đến marketing dịch vụ, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong tiêu dùng sản phẩm dịch vụ, thiết kế và thực hiện các chương trình marketing dịch vụ.

[34] TT\_BTTN 2: Thương mại điện tử ----- [2QTCHCN006]

Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về thương mại điện tử và các hình thức kinh doanh trên mạng Internet, đặc tính thị trường và hành vi khách hàng. Qua môn học này, sinh viên có những kiến thức căn bản về mạng đối nội, mạng đối ngoại và ứng dụng của các mạng LAN/WAN, WiFi,... Xác định được và biết cách tiếp cận các đối tượng khách hàng trên Internet. Ngoài ra, sinh viên cũng được cung cấp quy trình xây dựng website, các yếu tố cần có cho một website, các phương thức thanh toán và hình thức quảng cáo hiệu quả.

Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp:

[35] Kỹ thuật bán hàng ----- [2QTKDCN011]

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

[36] Thị trường chứng khoán ----- [2QTCHCS014]

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán, các cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá được các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và chứng khoán phái sinh.

Hoàn tất môn học này, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ mua bán chứng khoán trên thị trường, biết phân tích và định giá cơ bản chứng khoán hiện nay trên thị trường chứng khoán.

[37] Quản trị chất lượng ----- [2QTKDCN005]

Môn học nghiên cứu Hệ thống quản lý chất lượng, bao gồm các yếu tố hợp thành: mục tiêu của hệ thống, các yếu tố đầu vào, các yếu tố đầu ra (sản phẩm, dịch vụ), các quá trình hoạt động và thông tin phản hồi. Cung cấp các kiến thức cơ bản về: chất lượng và quản lý chất lượng; các mô hình quản lý chất lượng tiên tiến; cách thức xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các tổ chức nhằm góp phần tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường; nguyên tắc và các phương pháp đánh giá chất lượng (chất lượng sản phẩm/ dịch vụ, chất lượng hệ thống quản lý).

[38] Quản trị nguồn nhân lực ----- [2QTKDCN003]

Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: Hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì - quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

[39] Hệ thống thông tin quản lý ----- [2QTKDCN004]

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò, cơ cấu, phương pháp quản trị và ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong quản trị doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính sau:

- + Các khái niệm cơ bản, vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.
- + Các thành phần của hệ thống thông tin quản lý: phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực và hệ thống truyền thông Internet.
- + Phương pháp xây dựng, triển khai, ứng dụng, quản trị hệ thống thông tin quản lý.
- + Hiểu biết và hiểu về cách phân tích thiết kế, ứng dụng một trong những hệ thống thông tin quản lý thông dụng nhất, hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp.
- + Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng hệ thống thông tin quản lý.
- + Sinh viên sẽ sử dụng phần mềm Microsoft Visio và phần mềm Microsoft Access để thực hành trong phòng máy.

[40] Quản trị Marketing ----- [2QTKDCN010]

Quản trị marketing là môn học chuyên ngành của sinh viên ngành quản trị kinh doanh và marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức marketing chuyên sâu về quản trị marketing, phân tích cơ hội marketing, phát triển chiến lược marketing và quản lý, thực hiện các chương trình marketing. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua việc thảo luận, giải quyết tình huống thực tế.

[41] Quản trị quan hệ khách hàng ----- [2QTKDCN014]

Nội dung môn học đề cập đến các khái niệm cốt lõi liên quan đến quản trị quan hệ khách hàng, bao gồm việc tổ chức, hoạch định và thực hiện các hoạt động xây dựng quan hệ khách hàng.

[42] Quản trị vận hành ----- [2QTKDCN013]

Quản trị vận hành hướng trọng tâm vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyển hoá các nguồn lực đầu vào (lao động, nguyên vật liệu, vốn, thông tin,...) thành các đầu ra (sản phẩm và dịch vụ) nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách phù hợp. Nội dung của môn học bao gồm lựa chọn quá trình và công nghệ, hoạch định công suất, bố trí sản xuất, dự báo nhu cầu, quản lý hàng dự trữ, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, lập lịch trình sản xuất. Các nguyên tắc và khái niệm học được từ khóa học này sẽ áp dụng được cho bất kỳ ngành kinh doanh nào bao gồm cả các tổ chức hoạt động vì lợi nhuận, các công ty chế tạo và dịch vụ.

Chuyên ngành Kế toán:

[43] Kế toán tài chính 1 ----- [2QTKTCN007]

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phân hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu - các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).

[44] Nghiệp vụ ngân hàng ----- [2QTCHCS018]

Môn Nghiệp vụ ngân hàng thương mại trình bày một cách tổng quan các hoạt động chủ yếu mà Luật các tổ chức tín dụng cho phép ngân hàng thương mại có thể thực hiện. Các nghiệp vụ ngân hàng được đề cập đến rất đa dạng, bao gồm: Nghiệp vụ huy động vốn (huy

động qua tiền gửi, huy động qua phát hành các giấy tờ có giá); Nghiệp vụ tín dụng (Nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân, cho vay khách hàng doanh nghiệp, nghiệp vụ chiết khấu và bao thanh toán, nghiệp vụ cho thuê tài chính, nghiệp vụ bảo lãnh); Nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể nắm bắt được những vấn đề căn bản nhất về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại và có thể đảm trách các công việc tại ngân hàng.

[45] Kế toán chi phí-----[2QTKTCN003]

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất kinh tế, các loại chi phí và giá thành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp xây lắp, du lịch, nhà hàng, khách sạn, vận tải.

[46] Kế toán tài chính 2 -----[2QTKTCN008]

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phân hành kế toán (kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, phân phối kết quả kinh doanh, kế toán các hoạt động tài chính và hoạt động khác, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các loại quỹ, kế toán các khoản phải trả, kế toán thuế).

[47] Chứng từ - Sổ sách - Báo cáo kế toán -----[2QTKTCN005]

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nghiệp vụ cơ bản và chuyên sâu; số liệu minh họa thực tế về hệ thống và phương pháp hoàn chỉnh các chứng từ kế toán khác nhau, các loại sổ kế toán khác nhau, trên cơ sở đó cuối kỳ lập các báo cáo thuế và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

[48] Hệ thống thông tin kế toán -----[2QTKTCN004]

Môn học này cung cấp những nội dung chính sau:

- + Giới thiệu tổng quan về hệ thống thông tin kế toán, vị trí vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.
- + Tổ chức dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán
- + Các chu trình kế toán: Chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình chuyển đổi, chu trình tài chính.
- + Kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán.
- + Nắm bắt và hiểu về cách phân tích thiết kế, ứng dụng hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp.
- + Sinh viên sẽ sử dụng phần mềm Microsoft Visio và phần mềm Microsoft Access để thực hành trong phòng máy.

[49] Kế toán tài chính 3 -----[2QTKTCN009]

Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về: Những quy định chung và phương pháp lập các báo cáo tài chính như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

[50] Tin học ứng dụng trong kế toán -----[2QTKTCN006]

Học phần này vận dụng công việc ghi chép tất cả các loại sổ sách kế toán của tất cả các tài khoản bằng thủ công bằng việc thiết lập các toán tử, các loại địa chỉ các tên trong công thức, các hàm thông dụng, các mảng, công thức mảng xây dựng nên các báo cáo tài

chính, các loại sổ sách kế toán hoàn chỉnh đầy đủ nhất, giúp sinh viên gắn gũi nhất với công việc thực tế mà một kế toán viên phải làm như thế nào.

## **8. Hướng dẫn sử dụng chương trình, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

[1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

[2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 03 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

Trong khóa học, nhà trường bố trí các tuần lễ dành cho việc tham quan, kiến tập thực tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề được đào tạo.

[3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 8, Chương 2 Quy trình đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

+ Học kỳ chính: Số tín chỉ đăng ký  $\geq 14$  tín chỉ và  $\leq 20$  tín chỉ ( $\pm 4$  tín chỉ)

+ Học kỳ phụ: Số tín chỉ đăng ký  $\leq 06$  tín chỉ

+ Học kỳ chính được bố trí làm bài thi tốt nghiệp cuối khóa: Số tín chỉ đăng ký  $\leq 15$  tín chỉ (ngoài bài thi tốt nghiệp, số tín chỉ đăng ký cho các môn học khác  $\leq 06$  tín chỉ).

[4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 45 phút học lý thuyết và 60 phút học thực hành (có thể gọi chung là TIẾT).

+ Tín chỉ được quy định bằng:

- 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

- 30 giờ thực tập/ thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

- 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;

- 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/ đồ án;

- 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.

+ Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Thang điểm đánh giá chung:

+ Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;

- Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;

- Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

+ Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- Điểm tổng kết môn học  $\geq 5,0$  (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
  - o Điểm quá trình: ----- chiếm (a) %
  - o Điểm kiểm tra giữa kỳ: ----- chiếm (b) %
  - o Điểm thi cuối kỳ: ----- chiếm (c) %
  - o Điểm tổng kết môn học: ----- (a) + (b) + (c) = 100%
  - o Trong đó: ----- (a) + (b) ≤ 50% và (c) ≥ 50%

[6] Xếp loại đánh giá của môn học: Theo thang điểm 10,0. Trường hợp cần thiết, sinh viên có thể yêu cầu quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4,0

Xếp loại		Thang điểm hệ 10 (chính thức)				Thang điểm hệ 4	
						Điểm chữ	Điểm số
Đạt yêu cầu tích lũy	Xuất sắc	Từ	9,0	đến	10,0	A+	4,00
	Giỏi	Từ	8,0	đến cận	9,0	A	3,50
	Khá	Từ	7,0	đến cận	8,0	B+	3,00
	Trung bình khá	Từ	6,0	đến cận	7,0	B	2,50
	Trung bình	Từ	5,0	đến cận	6,0	C	2,00
Không đạt tích lũy	Yếu	Từ	4,0	đến cận	5,0	D+	1,5
		Từ	3,0	đến cận	4,0	D	1,0
	Kém	Từ	2,0	đến cận	3,0	D-	1-
		Từ	1,0	đến cận	2,0		1-
		Từ	0,0	đến cận	1,0		1-

[7] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 27, Chương 6 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

9. Chương trình đào tạo được biên soạn và cập nhật ngày:----- ngày 24/04/2017

10. Chương trình đào tạo được thông qua theo quyết định số 212-17/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Tổng hợp - Mã ngành: 6340114

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TỰ HOC	TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
												Σ	LT	TH	LT	TH	
<b>TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>				<b>109</b>	<b>2130</b>	<b>1260</b>	<b>435</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	<b>135</b>	<b>3630</b>	<b>2,130</b>	<b>1260</b>	<b>870</b>	<b>52.1</b>	<b>47.9</b>	
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT</b>				<b>0</b>	<b>225</b>	<b>90</b>	<b>15</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	<b>225</b>	<b>90</b>	<b>135</b>	<b>33.3</b>	<b>66.7</b>	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN</b>				<b>10</b>	<b>165</b>	<b>105</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>285</b>	<b>165</b>	<b>105</b>	<b>60</b>	<b>56.8</b>	<b>43.2</b>	
1	GS13108	Toán C (CĐ)	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
2	9QTTODC002	Xác suất thống kê	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXX</b>				<b>18</b>	<b>330</b>	<b>195</b>	<b>15</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>480</b>	<b>330</b>	<b>195</b>	<b>135</b>	<b>52.0</b>	<b>48.0</b>	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS12001	Pháp luật VN đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ</b>				<b>21</b>	<b>315</b>	<b>210</b>	<b>105</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>630</b>	<b>315</b>	<b>210</b>	<b>105</b>	<b>60.0</b>	<b>40.0</b>	



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Tổng hợp - Mã ngành: 6340114

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV	
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN			
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH		
1	2QTCHCS002	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
1	2QTCHCS001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS015	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS016	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS006	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH</b>					52	855	600	225	30	0	0	1665	855	600	255	63.8	36.2	
3	2QTXHDC002	Kỹ năng giao tiếp trong KD (CD)	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	2QTKDCN011	Kỹ thuật bán hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	2QTCHCS014	Thị trường chứng khoán	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong KD	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI	
4	2QTKDCN012	Kế toán quản trị	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
4	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI	
4	0	<b>Môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 môn</b>	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
4	2QTCHCS019	Báo cáo thuế	0[2.0.4]	0	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
4	9DTXHTC202	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	0[2.0.4]	0	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
4	2QTKDCN005	Quản trị chất lượng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
4	2QTKDCN003	Quản trị nguồn nhân lực	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Tổng hợp - Mã ngành: 6340114

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TU HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
4	2QTCHCN001	Quản trị tài chính 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
4	2QTCHCS010	Thuế	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKDCN004	Hệ thống thông tin quản lý	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCS017	Nghiệp vụ ngoại thương	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCN003	Phân tích hoạt động KD	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCS013	Quản trị hành chính văn phòng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKDCN010	Quản trị Marketing	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKDCN014	Quản trị quan hệ khách hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKDCN013	Quản trị vận hành	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
<b>BÀI THI TỐT NGHIỆP</b>				8	240	60	45	0	0	135	300	240	60	180	20.0	80.0	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI
6	2QTTTTN002	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.6]	3	135	0	0	0	0	135	90	135	0	135	0.0	100.0	BV
6	2QTCHCN007	TT_BTTN 1: Marketing dịch vụ	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
6	2QTCHCN006	TT_BTTN 2: Thương mại điện tử	2[1.1.4]	2	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Kế toán - Mã ngành: 6340114

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					$\Sigma$	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TU HỌC	$\Sigma$	LT	TH	LT	TH	
<b>TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>				108	2130	1245	420	330	0	135	3585	2,130	1245	885	51.3	48.7	
<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT</b>				0	225	90	15	120	0	0	270	225	90	135	33.3	66.7	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN</b>				10	165	105	30	30	0	0	285	165	105	60	56.8	43.2	
1	GS13108	Toán C (CĐ)	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
2	9QTTODC002	Xác suất thống kê	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXH</b>				18	330	195	15	120	0	0	480	330	195	135	52.0	48.0	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS12001	Pháp luật VN đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ</b>				21	315	210	105	0	0	0	630	315	210	105	60.0	40.0	

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG**

**Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Kế toán - Mã ngành: 6340114**

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV	
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN			
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TU HỌC	Σ	LT	TH	LT	TH		
1	2QTCHCS002	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
1	2QTCHCS001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS015	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS016	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
2	2QTCHCS006	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH</b>					51	855	585	210	60	0	0	1620	855	585	270	61.9	38.1	
3	2QTKTCN007	Kế toán tài chính 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	2QTXHDC002	Kỹ năng giao tiếp trong KD (CD)	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	2QTCHCS018	Nghiệp vụ ngân hàng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
3	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong KD	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI	
4	2QTKTCN003	Kế toán chi phí	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
4	2QTKDCN012	Kế toán quản trị	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
4	2QTKTCN008	Kế toán tài chính 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI	
4	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI	
4	0	Môn học tự chọn: Chọn 1 trong 2 môn sau	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
4	2QTCHCS019	Báo cáo thuế	0[2.0.4]	0	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
4	9DTXHTC202	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	0[2.0.4]	0	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Quản trị kinh doanh - chuyên ngành QTKD Kế toán - Mã ngành: 6340114

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
												Σ	LT	TH	LT	TH	
4	2QTCHCN001	Quản trị tài chính 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
4	2QTCHCS010	Thuế	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKTCN005	Chứng từ - Sổ sách - Báo cáo kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKTCN004	Hệ thống thông tin kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKTCN009	Kế toán tài chính 3	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCS017	Nghiệp vụ ngoại thương	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCN003	Phân tích hoạt động KD	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTCHCS013	Quản trị hành chính văn phòng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	2QTKTCN006	Tin học ứng dụng trong kế toán	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
<b>BÀI THI TỐT NGHIỆP</b>				8	240	60	45	0	0	135	300	240	60	180	20.0	80.0	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI
6	2QTTTTN002	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.6]	3	135	0	0	0	0	135	90	135	0	135	0.0	100.0	BV
6	2QTCHCN007	TT_BTTN 1: Marketing dịch vụ	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
6	2QTCHCN006	TT_BTTN 2: Thương mại điện tử	2[1.1.4]	2	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI